

**( Dự thảo lần 3)**

**TỜ TRÌNH**

**Về việc đề nghị ban hành Nghị quyết chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất hàng hóa Bắc Kạn giai đoạn 2017 - 2020**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 26/4/2016 Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ ba (khóa XI) về phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, tạo ra sản phẩm có thương hiệu, sức cạnh tranh trên thị trường giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 08 tháng 01 năm 2016 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc ban hành kế hoạch hành động thực hiện Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành Nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 851/QĐ-UBND ngày 14/6/2016 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt Đề án phát triển nông nghiệp theo hướng hàng hóa, tạo ra sản phẩm có thương hiệu, sức cạnh tranh trên thị trường; tập trung trồng rừng gắn với công nghiệp chế biến gỗ để nâng cao giá trị kinh tế rừng tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 684/QĐ-UBND ngày 15/6/2016 của UBND tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt Đề án xây dựng hợp tác xã kiểu mới trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2016 – 2020;

Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết phê duyệt chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất hàng hóa tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2017-2020 với các nội dung chính như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH CHÍNH SÁCH**

Trong những năm qua tỉnh đã xây dựng, ban hành nhiều chính sách nhằm phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh. Các chính sách đã góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào các dân tộc trong tỉnh; an ninh lương thực được đảm bảo; bước đầu hình thành và phát triển một số vùng sản xuất tập trung.

Tuy nhiên, kinh tế nông, lâm nghiệp của tỉnh phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của địa phương; sản xuất còn nhỏ lẻ, manh mún, hiệu quả chưa cao; khả năng cạnh tranh của nhiều loại sản phẩm còn thấp, chưa có sự gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất với tiêu thụ. Nhằm phát huy khai thác, tận dụng tối đa lợi thế của từng vùng, từng địa phương, Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết số 04-

NQ/TU ngày 26/4/2016 và UBND đã ban hành Quyết định số 851/QĐ-UBND ngày 14/6/2016 về việc phê duyệt Đề án phát triển nông nghiệp theo hướng hàng hóa, tạo ra sản phẩm có thương hiệu, sức cạnh tranh trên thị trường; tập trung trồng rừng gắn với công nghiệp chế biến gỗ để nâng cao giá trị kinh tế rừng tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2016 – 2020.

Để thực hiện hoàn thành các mục tiêu theo Nghị quyết 04-NQ/TU của tỉnh uỷ và nội dung Đề án đã xây dựng thì rất cần thiết HĐND tỉnh phải ban hành Nghị quyết về chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất hàng hóa tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2017 – 2020. Các chính sách được xây dựng và ban hành sẽ là động lực để phát triển sản xuất của tỉnh theo hướng bền vững, sản xuất hàng hóa tập trung, có năng suất, chất lượng, hiệu quả và khả năng cạnh tranh cao; góp phần xóa đói giảm nghèo.

## **II. MỤC TIÊU CỦA CHÍNH SÁCH**

### **1. Mục tiêu chung**

- Khuyến khích người dân tham gia liên doanh, liên kết, hình thành các tổ hợp tác, hợp tác xã để phát triển sản xuất theo hướng sản xuất hàng hóa, từng bước xây dựng được các thương hiệu của tỉnh Bắc Kạn

- Duy trì và phát triển các loài cây, con, sản phẩm có thế mạnh của địa phương và có giá trị kinh tế cao như cây Quýt, Hồng không hạt, nhãn hiệu Miến dong Bắc Kạn,....

- Chuyển giao các quy trình sản xuất một số loại cây trồng, vật nuôi có thế mạnh của địa phương tạo ra các sản phẩm có chất lượng được chứng nhận an toàn vệ sinh thực phẩm, nâng cao giá trị gia tăng, góp phần hoàn thành mục tiêu phát triển ngành nông lâm nghiệp tăng trưởng trung bình 4,5%/năm gắn với mục tiêu xây dựng nông thôn mới.

### **2. Mục tiêu cụ thể.**

- Phấn đấu đến năm 2020 trên toàn tỉnh có:

+ 10 mô hình HTX kiểu mới sản xuất gắn với chuỗi giá trị.

+ 50ha rau sản xuất áp dụng công nghệ cao.

+ 500ha rau, 1.000ha cây cam quýt, 200ha hồng không hạt, 100 ha cây mơ vàng, 300 ha chè, 200 ha cây trồng khác sản xuất đạt tiêu chuẩn ngành (QCVN 01-132:2013/BNNPTNT ) và các tiêu chuẩn khác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm ( quy định cụ thể trong tổ chức hướng dẫn thực hiện).

+ 500 gia trại và 20 trang trại chăn nuôi.

+ 4000ha rừng kinh doanh cây gỗ lớn và cây đa mục đích.

+ 02 điểm trung bày giới thiệu và tiêu thụ sản phẩm hàng hóa của tỉnh Bắc Kạn.

## **III. PHẠM VI ÁP DỤNG.**

Các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

## **IV. NỘI DUNG CÁC CHÍNH SÁCH GIAI ĐOẠN 2017 – 2020.**

### **1. Chính sách hỗ trợ thay đổi phương thức sản xuất**

- Hỗ trợ Các HTX hoạt động trên địa bàn trên địa bàn các phường, thị trấn trong tỉnh lãi suất vốn vay từ các tổ chức tín dụng để mua máy móc thiết bị bằng 6%/năm, mức hỗ trợ tối đa 80 triệu đồng/1HTX (không phụ thuộc vào mức vay của HTX).

- Thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển HTX trực thuộc Liên minh HTX tỉnh, để hỗ trợ các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động theo Luật HTX năm 2012. Năm 2017 đầu ngân sách tỉnh bố trí cho Quỹ hỗ trợ 1 tỷ đồng, các năm sau bổ sung theo khả năng cân đối của ngân sách tỉnh.

- Hỗ trợ xây dựng 10 HTX theo luật năm 2012 sản xuất gắn với chuỗi giá trị mức hỗ trợ tối đa 300 triệu đồng/HTX. Nội dung hỗ trợ gồm:

+ Hướng dẫn nâng cao năng lực công tác tổ chức, quản lý, điều hành cho cán bộ HTX;

+ Mua máy móc, thiết bị sản xuất;

+ Chuyển giao, ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ trong sản xuất, đảm bảo sản phẩm đạt các quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng sản phẩm theo quy định với từng sản phẩm;

+ Thăm quan, học tập trao đổi kinh nghiệm;

+ Thiết kế nhãn mác, bao bì sản phẩm, quảng bá xúc tiến thương mại;

+ Công tác quản lý, theo dõi;

+ Hội thảo, đánh giá tổng kết rút kinh nghiệm.

### **2. Chính sách đất đai**

2.1. Nhà đầu tư được Nhà nước hỗ trợ 70% tiền thuê đất, thuê mặt nước theo mức giá quy định của Nhà nước đối với dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư, dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư, dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư cần thuê đất, thuê mặt nước của hộ gia đình, cá nhân để thực hiện dự án; thời gian hỗ trợ: 05 năm đầu tiên kể từ khi hoàn thành xây dựng cơ bản.

- Điều kiện hỗ trợ:

+ Dự án phù hợp với quy hoạch được duyệt của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc chủ trương đầu tư của UBND tỉnh; có hợp đồng thuê đất, có phương án sản xuất phù hợp với mục đích sử dụng đất được cấp có thẩm quyền cho phép:

+ Diện tích thuê đất: Đối với dự án sử dụng đất sản xuất nông nghiệp có quy mô diện tích liền khoảnh từ 3ha trở lên; đối với dự án sử dụng đất để trồng cây ăn quả lâu năm, trồng cây dược liệu có quy mô diện tích liền vùng từ 5ha trở lên; đối với dự án trồng mới rừng sản xuất thâm canh có quy mô liền vùng từ 20 ha trở lên.

+ Thời gian thuê đất: Liên tục ít nhất 10 năm.

(Trường hợp sử dụng đất để đầu tư sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, trồng rau, củ, quả sạch, trồng cây dược liệu trong nhà kính, nhà lưới có quy mô diện tích từ 01ha trở lên).

- Các dự án đã được ưu đãi, hỗ trợ về đất đai theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn không thuộc phạm vi điều chỉnh của mục 2.1.

2.2. Nhà đầu tư có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư, dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư tích tụ đất hình thành vùng nguyên liệu thông qua hình thức hộ gia đình, cá nhân góp vốn bằng quyền sử dụng đất đối với các dự án không thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất được Nhà nước hỗ trợ 100% chi phí cho công tác đo đạc, chỉnh lý hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Điều kiện hỗ trợ: Dự án phù hợp với quy hoạch được duyệt của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc chủ trương đầu tư của UBND tỉnh (nếu chưa có quy hoạch được duyệt); Đối với dự án sử dụng đất sản xuất nông nghiệp có quy mô diện tích liền khoảnh từ 3ha trở lên; đối với dự án sử dụng đất để trồng cây ăn quả lâu năm, trồng cây dược liệu có quy mô diện tích liền vùng từ 5ha trở lên; đối với dự án trồng mới rừng sản xuất thâm canh có quy mô liền vùng từ 20 ha trở lên.

2.3. Nhà đầu tư có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư, dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư, dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư, đặc biệt là các dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao để sản xuất các sản phẩm nông nghiệp theo hướng hàng hóa, được Nhà nước hỗ trợ thuê đất để thực hiện dự án. Cụ thể:

- Phương thức hỗ trợ: UBND huyện và UBND xã đứng ra thuê và ký hợp đồng thuê quyền sử dụng đất với các hộ gia đình, cá nhân có đất nông nghiệp để tập trung, tích tụ đất đai cho Nhà đầu tư thuê lại để thực hiện dự án (trồng rau, củ, quả sạch, trồng lúa chất lượng cao,...); Nhà nước không thực hiện thu hồi, bồi thường giải phóng mặt bằng, các hộ gia đình, cá nhân có đất cho thuê vẫn giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Đối tượng hỗ trợ: Nhà đầu tư được hỗ trợ là doanh nghiệp, hợp tác xã được thành lập và đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam.

- Điều kiện hỗ trợ: Dự án phù hợp với quy hoạch được duyệt của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc chủ trương đầu tư của UBND tỉnh; có phương án sản xuất phù hợp với mục đích sử dụng đất được cấp có thẩm quyền cho phép:

+ Diện tích thuê đất: Đối với dự án sử dụng đất sản xuất nông nghiệp có quy mô diện tích liền khoảnh từ 3ha trở lên; đối với dự án sử dụng đất để trồng cây ăn quả lâu năm, trồng cây dược liệu có quy mô diện tích liền vùng từ 5ha trở lên; đối với dự án trồng mới rừng sản xuất thâm canh có quy mô liền vùng từ 20 ha trở lên.

Trường hợp sử dụng đất để đầu tư sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, trồng rau, củ, quả sạch, trồng cây dược liệu trong nhà kính, nhà lưới có quy mô diện tích từ 01ha trở lên.

+ Thời gian thuê đất: Liên tục ít nhất 10 năm.

- Nội dung hỗ trợ:

+ Nhà nước ứng vốn chi trả tiền thuê đất nông nghiệp của các hộ gia đình, cá nhân (*cho toàn bộ thời gian thuê hoặc theo từng năm hoặc 05 năm một lần*) sau đó cho Nhà đầu tư thuê lại đúng bằng giá thuê đất của các hộ gia đình, cá nhân. Đồng thời, ưu tiên bố trí vốn ngân sách đầu tư hạ tầng về giao thông, thủy lợi, điện, cấp thoát nước đến hàng rào dự án; Nhà đầu tư trả tiền thuê đất cho Nhà nước làm 02 lần, lần đầu ngay khi bàn giao đất, lần thứ 2 vào giữa chu kỳ thuê đất để hoàn trả ngân sách nhà nước.

+ Hỗ trợ tiền thuê đất: Hỗ trợ 01 năm tiền thuê đất để Nhà đầu tư cải tạo đất theo giá đất thuê của các hộ gia đình, cá nhân.

Các dự án được Nhà nước hỗ trợ thuê đất theo phương thức tại mục 2.3 không được hưởng ưu đãi, hỗ trợ về đất đai (miễn, giảm tiền thuê đất, hỗ trợ thuê đất) theo các quy định khác của pháp luật.

### **3. Chính sách hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông lâm nghiệp**

#### **3.1. Đối với một số cây trồng có thể mạnh**

- Hỗ trợ lãi suất vốn vay ngân hàng để sản xuất rau áp dụng công nghệ cao, mức vay được hỗ trợ lãi suất tối đa 1 tỷ đồng/ha; thời gian hỗ trợ 01 năm; hỗ trợ 1 lần/1 đơn vị diện tích; mức hỗ trợ lãi suất ngân hàng bằng 6%/năm, phần chênh lệch lãi suất còn lại (nếu có) đối tượng vay tự chi trả; tổng diện tích thực hiện là 50ha.

- Hỗ trợ lãi suất vốn vay ngân hàng để sản xuất rau đạt quy chuẩn kỹ thuật **QCVN 01-132:2013/BNNPTNT** và các tiêu chuẩn đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm khác: Mức vay được hỗ trợ lãi suất tối đa 100 triệu đồng/ha; thời gian hỗ trợ 01 năm; hỗ trợ 1 lần/1 đơn vị diện tích; mức hỗ trợ lãi suất ngân hàng bằng 6%/năm, phần chênh lệch lãi suất còn lại (nếu có) đối tượng vay tự chi trả; tổng diện tích thực hiện là 500ha.

- Hỗ trợ lãi suất vốn vay ngân hàng để thực hiện trồng mới và cải tạo diện tích cam, quýt, hồng không hạt, mơ vàng, chè và một số cây trồng khác có giá trị kinh tế cao (do UBND tỉnh quy định) đạt quy chuẩn kỹ thuật **QCVN 01-132:2013/BNNPTNT** và các tiêu chuẩn đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm khác: Mức vay được hỗ trợ lãi suất tối đa 100 triệu đồng/ha; thời gian hỗ trợ 02 năm; hỗ trợ 1 lần/1 đơn vị diện tích; mức hỗ trợ lãi suất ngân hàng bằng 6%/năm, phần chênh lệch lãi suất còn lại (nếu có) đối tượng vay tự chi trả với tổng diện tích thực hiện 1.800ha trong đó: 1.000ha cây cam quýt, 200ha hồng không hạt, 100 ha cây mơ vàng, chè 300 ha, cây trồng khác 200 ha.

- Đối tượng áp dụng: Các HTX, THT.

#### **3.2. Đối với chăn nuôi**

- Hỗ trợ lãi suất vốn vay ngân hàng cho các gia trại đầu tư chăn nuôi gia súc (trâu, bò, lợn, dê) mức vay được hỗ trợ lãi suất tối đa không quá 200 triệu đồng/gia

trại, thời gian hỗ trợ lãi suất 02 năm, mức hỗ trợ lãi suất 6%/năm, phần chênh lệch lãi suất còn lại (nếu có) đối tượng vay phải tự chi trả, tổng số lượng 500 gia trại.

- Hỗ trợ lãi suất vốn vay ngân hàng cho các trang trại đầu tư chăn nuôi, mức vay được hỗ trợ lãi suất tối đa không quá 01 tỷ đồng/trang trại, thời gian hỗ trợ lãi suất 02 năm, mức hỗ trợ lãi suất 6%/năm, phần chênh lệch lãi suất còn lại (nếu có) đối tượng vay phải tự chi trả, tổng số lượng 20 trang trại.

- Đối tượng áp dụng: Các gia trại, trang trại.

### **3.3. Đối với phát triển lâm nghiệp**

- Hỗ trợ chuyển đổi rừng trồng từ rừng kinh doanh gỗ nhỏ thành rừng kinh doanh gỗ lớn: Ngân sách tỉnh hỗ trợ chi phí nhân công bảo vệ, chăm sóc và nuôi dưỡng rừng từ rừng kinh doanh gỗ nhỏ thành rừng kinh doanh gỗ lớn, mức hỗ trợ 500.000 đồng/ha/năm, trong thời gian 05 năm, diện tích hỗ trợ 2.000 ha

- Hỗ trợ lãi xuất vốn vay trồng cây gỗ lớn mức vay được hỗ trợ lãi suất tối đa 30 triệu đồng/ha; thời gian hỗ trợ 03 năm; hỗ trợ 1 lần/1 đơn vị diện tích; mức hỗ trợ lãi suất ngân hàng bằng 6%/năm, phần chênh lệch lãi suất còn lại (nếu có) đối tượng vay tự chi trả với tổng diện tích thực hiện 2.000ha.

- Đối tượng áp dụng: Các tổ hợp tác, HTX.

### **3.4. Một số chính sách khác**

- Hỗ trợ 100% kinh phí thẩm định, cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm cụ thể:

+ Hỗ trợ 700.000đ đồng/lần cấp/đối với cơ sở do cơ quan kiểm tra địa phương thực hiện thẩm định và cấp.

+ Hỗ trợ 02 triệu đồng/lần cấp/đối với cơ sở có do cơ quan kiểm tra trung ương thực hiện thẩm định và cấp.

- Hỗ trợ 65 triệu đồng/lần cấp/cơ sở đối với việc cấp giấy chứng nhận sản xuất theo tiêu chuẩn **QCVN 01-132:2013/BNNPTN** (tối đa 10ha/lần cấp/cơ sở hoặc tối đa 100 hộ/lần cấp/cơ sở).

- Đối tượng áp dụng các cơ sở sản xuất, chế biến nông lâm sản, các HTX.

## **4. Chính sách hỗ trợ xúc tiến thương mại và quảng bá sản phẩm.**

- Hỗ trợ xây dựng 02 Điểm trung bày (dự kiến tại TP Bắc Kạn và Thị Trấn Chợ Rã, huyện Ba Bể), giới thiệu và tiêu thụ sản phẩm hàng hóa của tỉnh Bắc Kạn, mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí nhưng không quá 500 triệu đồng/điểm trung bày.

- Hỗ trợ chi phí mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động của điểm trung bày, giới thiệu và tiêu thụ sản phẩm truyền thống của tỉnh, mức hỗ trợ tối đa 80 triệu đồng/điểm trung bày để mua sắm các trang thiết bị bao gồm: Tủ, giá, kệ bày

hàng, biển quảng cáo, panô, áp phích, tờ rơi quảng cáo.

- Hỗ trợ lãi xuất vốn vay cho các doanh nghiệp, HTX thu mua sản phẩm nông lâm nghiệp cho người dân để chế biến, tiêu thụ mức vay được hỗ trợ lãi suất tối đa 02 tỷ đồng/ha; thời gian hỗ trợ lãi xuất 01 năm; hỗ trợ 1 lần/1 đơn vị ; mức hỗ trợ lãi suất ngân hàng bằng 6%/năm, phần chênh lệch lãi suất còn lại (nếu có) đối tượng vay tự chi trả.

- Bố trí kinh phí thực hiện hội thi đánh giá, xếp loại các sản phẩm hàng hóa mức: 500 triệu đồng/cuộc/năm.

- Đối tượng áp dụng: các HTX, doanh nghiệp sản xuất, chế biến, kinh doanh tiêu thụ nông lâm sản trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

## **V. Kinh phí thực hiện**

### **1. Nguồn kinh phí hỗ trợ.**

- Tổng nhu cầu kinh phí: 70 tỷ từ nguồn ngân sách tỉnh.

### **2. Cơ chế hỗ trợ.**

- Các vùng, các đối tượng nếu đang được hưởng những chính sách khác không trùng với những chính sách tại quy định này thì tiếp tục hưởng những chính sách đó; nếu trùng với những chính sách tại quy định này nhưng có mức hỗ trợ khác nhau thì chỉ được hưởng một chính sách có mức hỗ trợ cao nhất.

- Các nội dung không được đề cập trong chính sách này mà có trong các chính sách của các chương trình, dự án khác thì được thực hiện theo quy định hiện hành của các chương trình, dự án đó.

## **VI. THỜI GIAN THỰC HIỆN:** Từ năm 2017 đến hết năm 2020.

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn xem xét, ban hành Nghị quyết về Chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, tạo ra sản phẩm có thương hiệu, sức cạnh tranh trên thị trường tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2016 - 2020./.

### ***Nơi nhận:***

- HĐND tỉnh (Đề nghị);
- TT Tỉnh ủy (B/cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP;

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

***Nơi nhận***

.....  
.....

**CHỦ TỊCH**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TỈNH BẮC KẠN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2017/NQ-HĐND

Bắc Kạn, ngày tháng năm 2017

( Dự thảo)

**NGHỊ QUYẾT**

**VỀ VIỆC BAN HÀNH CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT  
HÀNG HÓA TỈNH BẮC KẠN GIAI ĐOẠN 2017 – 2020**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN**  
**KHOÁ ..... KỶ HỌP THÁNG ..... NĂM 2017**

*Căn cứ.....*

*Căn cứ Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành Nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững;*

*Quyết định số 1384/QĐ-BNN-KH ngày 18/6/2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về ban hành Chương trình hành động thực hiện Đề án “Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững”;*

*Căn cứ Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 26/4/2016 Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ ba (khóa XI) về phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, tạo ra sản phẩm có thương hiệu, sức cạnh tranh trên thị trường giai đoạn 2016 - 2020;*

*Sau khi xem xét Tờ trình số:..../TTr-UBND ngày ...tháng ... năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua đề án chính sách phát triển nông nghiệp theo hướng hàng hóa, tạo ra sản phẩm có thương hiệu, sức cạnh tranh trên thị trường Bắc Kạn giai đoạn 2016 - 2020; Báo cáo Thẩm tra số: ..... /BC-HĐND ngày ... tháng ... năm 2017 của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.**Ban hành chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất hàng hóa tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2017 - 2020 với nội dung cụ thể như sau:

**I. MỤC TIÊU CỦA CHÍNH SÁCH**

**1. Mục tiêu chung**

- Khuyến khích người dân tham gia liên doanh, liên kết, hình thành các tổ hợp tác, hợp tác xã để phát triển sản xuất theo hướng sản xuất hàng hóa, từng bước xây dựng được các thương hiệu của tỉnh Bắc Kạn

- Duy trì và phát triển các loài cây, con, sản phẩm có thể mạnh của địa phương và có giá trị kinh tế cao như cây Quýt, Hồng không hạt, nhãn hiệu Miến



dong Bắc Kạn,....

- Chuyển giao các quy trình sản xuất một số loại cây trồng, vật nuôi có thế mạnh của địa phương tạo ra các sản phẩm có chất lượng được chứng nhận an toàn vệ sinh thực phẩm, nâng cao giá trị gia tăng, góp phần hoàn thành mục tiêu phát triển ngành nông lâm nghiệp tăng trưởng trung bình 4,5%/năm gắn với mục tiêu xây dựng nông thôn mới.

## **2. Mục tiêu cụ thể.**

- Phân đầu đến năm 2020 trên toàn tỉnh có:

+ 10 mô hình HTX kiểu mới sản xuất gắn với chuỗi giá trị.

+ 50ha rau sản xuất áp dụng công nghệ cao.

+ 500ha rau, 1.000ha cây cam quýt, 200ha hồng không hạt, 100 ha cây mơ vàng, 300 ha chè, 200 ha cây trồng khác sản xuất đạt tiêu chuẩn ngành (QCVN 01-132:2013/BNNPTNT) và các tiêu chuẩn khác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm ( quy định cụ thể trong tổ chức hướng dẫn thực hiện).

+ 500 gia trại và 20 trang trại chăn nuôi.

+ 4000ha rừng kinh doanh cây gỗ lớn và cây đa mục đích.

+ 02 điểm trung bày giới thiệu và tiêu thụ sản phẩm hàng hóa của tỉnh Bắc Kạn.

## **III. PHẠM VI ÁP DỤNG.**

Các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

## **IV. NỘI DUNG CÁC CHÍNH SÁCH GIAI ĐOẠN 2017 – 2020.**

### **1. Chính sách hỗ trợ thay đổi phương thức sản xuất**

- Hỗ trợ Các HTX hoạt động trên địa bàn trên địa bàn các phường, thị trấn trong tỉnh lãi suất vốn vay từ các tổ chức tín dụng để mua máy móc thiết bị bằng 6%/năm, mức hỗ trợ tối đa 80 triệu đồng/HTX (không phụ thuộc vào mức vay của HTX).

- Thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển HTX trực thuộc Liên minh HTX tỉnh, để hỗ trợ các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động theo Luật HTX năm 2012. Năm 2017 đầu ngân sách tỉnh bố trí cho Quỹ hỗ trợ 1 tỷ đồng, các năm sau bổ sung theo khả năng cân đối của ngân sách tỉnh.

- Hỗ trợ xây dựng 10 HTX theo luật năm 2012 sản xuất gắn với chuỗi giá trị mức hỗ trợ tối đa 300 triệu đồng/HTX. Nội dung hỗ trợ gồm:

+ Hướng dẫn nâng cao năng lực công tác tổ chức, quản lý, điều hành cho cán bộ HTX;

+ Mua máy móc, thiết bị sản xuất;

+ Chuyển giao, ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ trong sản xuất,

đảm bảo sản phẩm đạt các quy chuẩn kỹ thuật, chất lượng sản phẩm theo quy định với từng sản phẩm;

- + Thăm quan, học tập trao đổi kinh nghiệm;
- + Thiết kế nhãn mác, bao bì sản phẩm, quảng bá xúc tiến thương mại;
- + Công tác quản lý, theo dõi;
- + Hội thảo, đánh giá tổng kết rút kinh nghiệm.

## **2.Chính sách đất đai**

2.1. Nhà đầu tư được Nhà nước hỗ trợ 70% tiền thuê đất, thuê mặt nước theo mức giá quy định của Nhà nước đối với dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư, dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư, dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư cần thuê đất, thuê mặt nước của hộ gia đình, cá nhân để thực hiện dự án; thời gian hỗ trợ: 05 năm đầu tiên kể từ khi hoàn thành xây dựng cơ bản.

- Điều kiện hỗ trợ:

+ Dự án phù hợp với quy hoạch được duyệt của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc chủ trương đầu tư của UBND tỉnh; có hợp đồng thuê đất, có phương án sản xuất phù hợp với mục đích sử dụng đất được cấp có thẩm quyền cho phép:

+ Diện tích thuê đất: Đối với dự án sử dụng đất sản xuất nông nghiệp có quy mô diện tích liền khoảnh từ 3ha trở lên; đối với dự án sử dụng đất để trồng cây ăn quả lâu năm, trồng cây dược liệu có quy mô diện tích liền vùng từ 5ha trở lên; đối với dự án trồng mới rừng sản xuất thâm canh có quy mô liền vùng từ 20 ha trở lên.

+ Thời gian thuê đất: Liên tục ít nhất 10 năm.

(Trường hợp sử dụng đất để đầu tư sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, trồng rau, củ, quả sạch, trồng cây dược liệu trong nhà kính, nhà lưới có quy mô diện tích từ 01ha trở lên).

- Các dự án đã được ưu đãi, hỗ trợ về đất đai theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn không thuộc phạm vi điều chỉnh của mục 2.1.

2.2. Nhà đầu tư có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư, dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư tích tụ đất hình thành vùng nguyên liệu thông qua hình thức hộ gia đình, cá nhân góp vốn bằng quyền sử dụng đất đối với các dự án không thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất được Nhà nước hỗ trợ 100% chi phí cho công tác đo đạc, chỉnh lý hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Điều kiện hỗ trợ: Dự án phù hợp với quy hoạch được duyệt của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc chủ trương đầu tư của UBND tỉnh (nếu chưa có quy hoạch được duyệt); Đối với dự án sử dụng đất sản xuất nông nghiệp có quy mô diện tích liền khoảnh từ 3ha trở lên; đối với dự án sử dụng đất để trồng cây ăn quả lâu năm, trồng cây dược liệu có quy mô diện tích liền vùng từ 5ha trở lên; đối với dự án trồng mới rừng sản xuất thâm canh có quy mô liền vùng từ 20 ha trở lên.

2.3. Nhà đầu tư có dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư, dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư, dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư, đặc biệt là các dự

án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao để sản xuất các sản phẩm nông nghiệp theo hướng hàng hóa, được Nhà nước hỗ trợ thuê đất để thực hiện dự án. Cụ thể:

- Phương thức hỗ trợ: UBND huyện và UBND xã đứng ra thuê và ký hợp đồng thuê quyền sử dụng đất với các hộ gia đình, cá nhân có đất nông nghiệp để tập trung, tích tụ đất đai cho Nhà đầu tư thuê lại để thực hiện dự án (trồng rau, củ, quả sạch, trồng lúa chất lượng cao,...); Nhà nước không thực hiện thu hồi, bồi thường giải phóng mặt bằng, các hộ gia đình, cá nhân có đất cho thuê vẫn giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Đối tượng hỗ trợ: Nhà đầu tư được hỗ trợ là doanh nghiệp, hợp tác xã được thành lập và đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam.

- Điều kiện hỗ trợ: Dự án phù hợp với quy hoạch được duyệt của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc chủ trương đầu tư của UBND tỉnh; có phương án sản xuất phù hợp với mục đích sử dụng đất được cấp có thẩm quyền cho phép:

+ Diện tích thuê đất: Đối với dự án sử dụng đất sản xuất nông nghiệp có quy mô diện tích liền khoảnh từ 3ha trở lên; đối với dự án sử dụng đất để trồng cây ăn quả lâu năm, trồng cây dược liệu có quy mô diện tích liền vùng từ 5ha trở lên; đối với dự án trồng mới rừng sản xuất thâm canh có quy mô liền vùng từ 20 ha trở lên.

Trường hợp sử dụng đất để đầu tư sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, trồng rau, củ, quả sạch, trồng cây dược liệu trong nhà kính, nhà lưới có quy mô diện tích từ 01ha trở lên.

+ Thời gian thuê đất: Liên tục ít nhất 10 năm.

- Nội dung hỗ trợ:

+ Nhà nước ứng vốn chi trả tiền thuê đất nông nghiệp của các hộ gia đình, cá nhân (*cho toàn bộ thời gian thuê hoặc theo từng năm hoặc 05 năm một lần*) sau đó cho Nhà đầu tư thuê lại đúng bằng giá thuê đất của các hộ gia đình, cá nhân. Đồng thời, ưu tiên bố trí vốn ngân sách đầu tư hạ tầng về giao thông, thủy lợi, điện, cấp thoát nước đến hàng rào dự án; Nhà đầu tư trả tiền thuê đất cho Nhà nước làm 02 lần, lần đầu ngay khi bàn giao đất, lần thứ 2 vào giữa chu kỳ thuê đất để hoàn trả ngân sách nhà nước.

+ Hỗ trợ tiền thuê đất: Hỗ trợ 01 năm tiền thuê đất để Nhà đầu tư cải tạo đất theo giá đất thuê của các hộ gia đình, cá nhân.

Các dự án được Nhà nước hỗ trợ thuê đất theo phương thức tại mục 2.3 không được hưởng ưu đãi, hỗ trợ về đất đai (miễn, giảm tiền thuê đất, hỗ trợ thuê đất) theo các quy định khác của pháp luật.

### **3. Chính sách hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông lâm nghiệp**

#### **3.1. Đối với một số cây trồng có thế mạnh**

- Hỗ trợ lãi suất vốn vay ngân hàng để sản xuất rau áp dụng công nghệ cao, mức vay được hỗ trợ lãi suất tối đa 1 tỷ đồng/ha; thời gian hỗ trợ 01 năm; hỗ trợ 1 lần/1 đơn vị diện tích; mức hỗ trợ lãi suất ngân hàng bằng 6%/năm, phần chênh lệch lãi suất còn lại (nếu có) đối tượng vay tự chi trả; tổng diện tích thực hiện là 50ha.

- Hỗ trợ lãi suất vốn vay ngân hàng để sản xuất rau đạt quy chuẩn kỹ thuật **QCVN 01-132:2013/BNNPTNT** và các tiêu chuẩn đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm khác: Mức vay được hỗ trợ lãi suất tối đa 100 triệu đồng/ha; thời gian hỗ trợ 01 năm; hỗ trợ 1 lần/1 đơn vị diện tích; mức hỗ trợ lãi suất ngân hàng bằng 6%/năm, phần chênh lệch lãi suất còn lại (nếu có) đối tượng vay tự chi trả; tổng diện tích thực hiện là 500ha.

- Hỗ trợ lãi suất vốn vay ngân hàng để thực hiện trồng mới và cải tạo diện tích cam, quýt, hồng không hạt, mơ vàng, chè và một số cây trồng khác có giá trị kinh tế cao (do UBND tỉnh quy định) đạt quy chuẩn kỹ thuật **QCVN 01-132:2013/BNNPTNT** và các tiêu chuẩn đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm khác: Mức vay được hỗ trợ lãi suất tối đa 100 triệu đồng/ha; thời gian hỗ trợ 02 năm; hỗ trợ 1 lần/1 đơn vị diện tích; mức hỗ trợ lãi suất ngân hàng bằng 6%/năm, phần chênh lệch lãi suất còn lại (nếu có) đối tượng vay tự chi trả với tổng diện tích thực hiện 1.800ha trong đó: 1.000ha cây cam quýt, 200ha hồng không hạt, 100 ha cây mơ vàng, chè 300 ha, cây trồng khác 200 ha.

- Đối tượng áp dụng: Các HTX, THT.

### **3.2. Đối với chăn nuôi**

- Hỗ trợ lãi suất vốn vay ngân hàng cho các gia trại đầu tư chăn nuôi gia súc (trâu, bò, lợn, dê) mức vay được hỗ trợ lãi suất tối đa không quá 200 triệu đồng/gia trại, thời gian hỗ trợ lãi suất 02 năm, mức hỗ trợ lãi suất 6%/năm, phần chênh lệch lãi suất còn lại (nếu có) đối tượng vay phải tự chi trả, tổng số lượng 500 gia trại.

- Hỗ trợ lãi suất vốn vay ngân hàng cho các trang trại đầu tư chăn nuôi, mức vay được hỗ trợ lãi suất tối đa không quá 01 tỷ đồng/trang trại, thời gian hỗ trợ lãi suất 02 năm, mức hỗ trợ lãi suất 6%/năm, phần chênh lệch lãi suất còn lại (nếu có) đối tượng vay phải tự chi trả, tổng số lượng 20 trang trại.

- Đối tượng áp dụng: Các gia trại, trang trại.

### **3.3. Đối với phát triển lâm nghiệp**

- Hỗ trợ chuyển đổi rừng trồng từ rừng kinh doanh gỗ nhỏ thành rừng kinh doanh gỗ lớn: Ngân sách tỉnh hỗ trợ chi phí nhân công bảo vệ, chăm sóc và nuôi dưỡng rừng từ rừng kinh doanh gỗ nhỏ thành rừng kinh doanh gỗ lớn, mức hỗ trợ 500.000 đồng/ha/năm, trong thời gian 05 năm, diện tích hỗ trợ 2.000 ha

- Hỗ trợ lãi suất vốn vay trồng cây gỗ lớn mức vay được hỗ trợ lãi suất tối đa 30 triệu đồng/ha; thời gian hỗ trợ 03 năm; hỗ trợ 1 lần/1 đơn vị diện tích; mức hỗ trợ lãi suất ngân hàng bằng 6%/năm, phần chênh lệch lãi suất còn lại (nếu có) đối tượng vay tự chi trả với tổng diện tích thực hiện 2.000ha.

- Đối tượng áp dụng: Các tổ hợp tác, HTX.

### **3.4. Một số chính sách khác**

- Hỗ trợ 100% kinh phí thẩm định, cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm cụ thể:

+ Hỗ trợ 700.000đ đồng/lần cấp/đối với cơ sở do cơ quan kiểm tra địa phương thực hiện thẩm định và cấp.

+ Hỗ trợ 02 triệu đồng/lần cấp/đối với cơ sở có do cơ quan kiểm tra trung ương thực hiện thẩm định và cấp.

- Hỗ trợ 65 triệu đồng/lần cấp/cơ sở đối với việc cấp giấy chứng nhận sản xuất theo tiêu chuẩn **QCVN 01-132:2013/BNNPTN** (tối đa 10ha/lần cấp/cơ sở hoặc tối đa 100 hộ/lần cấp/cơ sở).

- Đối tượng áp dụng các cơ sở sản xuất, chế biến nông lâm sản, các HTX.

### **4. Chính sách hỗ trợ xúc tiến thương mại và quảng bá sản phẩm.**

- Hỗ trợ xây dựng 02 Điểm trung bày (dự kiến tại TP Bắc Kạn và Thị Trấn Chợ Rã, huyện Ba Bè), giới thiệu và tiêu thụ sản phẩm hàng hóa của tỉnh Bắc Kạn, mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí nhưng không quá 500 triệu đồng/điểm trung bày.

- Hỗ trợ chi phí mua sắm trang thiết bị phục vụ hoạt động của điểm trung bày, giới thiệu và tiêu thụ sản phẩm truyền thống của tỉnh, mức hỗ trợ tối đa 80 triệu đồng/điểm trung bày để mua sắm các trang thiết bị bao gồm: Tủ, giá, kệ bày hàng, biển quảng cáo, panô, áp phích, tờ rơi quảng cáo.

- Hỗ trợ lãi xuất vốn vay cho các doanh nghiệp, HTX thu mua sản phẩm nông lâm nghiệp cho người dân để chế biến, tiêu thụ mức vay được hỗ trợ lãi suất tối đa 02 tỷ đồng/ha; thời gian hỗ trợ lãi xuất 01 năm; hỗ trợ 1 lần/1 đơn vị ; mức hỗ trợ lãi suất ngân hàng bằng 6%/năm, phần chênh lệch lãi suất còn lại (nếu có) đối tượng vay tự chi trả.

- Bố trí kinh phí thực hiện hội thi đánh giá, xếp loại các sản phẩm hàng hóa mức: 500 triệu đồng/cuộc/năm.

- Đối tượng áp dụng: các HTX, doanh nghiệp sản xuất, chế biến, kinh doanh tiêu thụ nông lâm sản trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

## **IV. Kinh phí thực hiện**

### **1. Nguồn kinh phí hỗ trợ.**

- Tổng nhu cầu kinh phí: 70 tỷ từ nguồn ngân sách tỉnh.

### **2. Cơ chế hỗ trợ.**

- Các vùng, các đối tượng nếu đang được hưởng những chính sách khác không trùng với những chính sách tại quy định này thì tiếp tục hưởng những chính

sách đó; nếu trùng với những chính sách tại quy định này nhưng có mức hỗ trợ khác nhau thì chỉ được hưởng một chính sách có mức hỗ trợ cao nhất.

- Các nội dung không được đề cập trong chính sách này mà có trong các chính sách của các chương trình, dự án khác thì được thực hiện theo quy định hiện hành của các chương trình, dự án đó.

**V. THỜI GIAN THỰC HIỆN:** Từ năm 2017 đến hết năm 2020.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện:**

1. Giao Ủy ban nhân tỉnh: Ban hành quyết định hướng dẫn, phân công cụ thể nhiệm vụ các Sở, ngành liên quan; UBND các huyện, thành phố về triển khai, tổ chức thực hiện Nghị quyết này. Hằng năm, tổ chức đánh giá tình hình thực hiện để rút kinh nghiệm và kịp thời có giải pháp thực hiện trong năm tiếp theo; kết thúc thời gian thực hiện Nghị quyết, tổ chức tổng kết đánh giá kết quả thực hiện.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; Hội đồng nhân dân và Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn khoá ..... , kỳ họp chuyên đề tháng ..... thông qua ngày tháng năm 2017./.

*Nơi nhận*

.....

**CHỦ TỊCH**